TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Lưu Văn Có,**

2. Bà **Võ Thị Bời.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đào Minh Tuấn –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1115/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "***Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thành T**, sinh năm 1976
Địa chỉ: Số 6 Thủy X, phường Phương S, Nha T.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1981
Địa chỉ: Số 6 Thủy X, phường Phương S, Nha T.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 01/8/2022, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn – ông Lê Thành T trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Thu L tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Phương S, Nha T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhau mười mấy năm rồi nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Lê Thành T xác nhận có 01 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 12/10/2001. Hiện tại cháu đã trưởng thành và sống khỏe mạnh nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Thu L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thu L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Do trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến việc ông Trung xin ly hôn. Xét việc ly hôn của ông Trung là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Thu L vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vì lý do công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Thu L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phương S, Nha T vào năm 2004 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, cấp ngày 04/01/2004). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ theo lời khai của ông Lê Thành T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kình cãi, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn và vợ chồng đã sống ly thân mười mấy năm rồi.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thực tế là hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ mười mấy năm rồi, nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trung là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung:

Ông Lê Thành T xác nhận giữa ông và bà L có 01 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 12/10/2001. Hiện tại cháu đã trưởng thành và sống khỏe mạnh, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

** Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định*: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Con chung đã trưởng thành và sống khỏe mạnh nên không xem xét; Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử*:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Thành T được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu L.

[2] Về con chung: Ông Lê Thành T xác nhận giữa ông và bà L có 01 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 12/10/2001. Hiện tại cháu đã trưởng thành và sống khỏe mạnh, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Lê Thành T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002560 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

* ***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS Nha Trang;
- UBND phường Phương S, Nha T (GCNKH số 02, ngày 05/01/2004);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Liễu